

Bản án số: 65 /2025/HS-ST
Ngày 21.4.2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Hoàng**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Cơ** và ông **Vũ Ngọc Thanh**.

Thư ký Tòa án: Ông **Khuất Duy Toàn** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Phương Dung** - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2025/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Anh Q**, Sinh ngày: 11/4/2007 tại: Quảng Nam; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố B, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; chỗ ở hiện nay: Xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Học sinh; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T và con bà Võ Thị P, gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo con thứ nhất; tiền án: Không có; tiền sự: Không có (khi phạm tội bị cáo 17 tuổi 8 tháng 02 ngày).

Bị cáo hiện đang tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

-Người bảo vệ quyền và lợi hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Văn Anh Q: Bà Nguyễn Thị Quỳnh N - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý thành phố Đ, (có mặt).

Người đại diện hợp pháp: Bà Võ Thị P, sinh năm 1985 và ông Nguyễn Văn T1; trú tại: Tổ dân phố số B Thị Trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum.(bà P có mặt, ông T1 vắng mặt).

Bà P ủy quyền cho ông Võ Ngọc V, sinh năm 1988; trú tại : H H, phường A, quận S, tp Đà Nẵng,(có mặt).

- **Người Bị hại:** Ông Nguyễn Phan Đình Đ và Lê Thị Bích N1; Địa chỉ: Tổ F, K đường T, phường H, quận L, TP ..(vắng mặt).

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Nguyễn Đăng V1 - sinh năm: 1987; Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị,(vắng mặt).

+ Bà Lê Thị T2 – sinh năm: 1965; Địa chỉ: Số C đường H, phường V, quận T, TP ..(vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Mỹ L – sinh năm: 2005; Địa chỉ: Tổ D, phường N, quận S, TP ..(vắng mặt).

- **Người làm chứng:** Lê Trần Quý T3, sinh năm 2006; địa chỉ: Á, Đ, Quảng Nam,(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 09/9/2024, Nguyễn Văn Anh Q được Lê Trần Quý T3 (SN: 2006; HKTT: Ái Nghĩa, Đ, Quảng Nam) rủ đến nhà anh Nguyễn Phan Đình Đ là anh rể của T3 tại: Tổ F, K đường T, P. H, Q. L, TP . chơi và ngủ lại. Khoảng 08h00 ngày 10/9/2024, Q đi xuống tầng 1 và phát hiện phòng của vợ chồng anh Đ không khóa cửa phòng và không có người nên Q nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Q mở cửa vào phòng và phát hiện 01 ví cầm tay bên trong có 01 dây chuyền vàng, 01 vòng tay vàng, 02 nhẫn vàng. Q lén lút lấy trộm số trang sức trên bỏ vào túi quần. Sau khi chiếm đoạt các tài sản trên, thông qua mạng xã hội, Q đã kết nối với tài khoản Zalo “Shop Thu Vàng Bạc Kim Cương Trang S” được đăng ký bởi số điện thoại 0582102283 do Nguyễn Đăng V1 (SN: 1987; HKTT: Thôn A, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị) sử dụng. Q trao đổi với V1 rằng số trang sức trên là do chú của Q để lại và không có giấy tờ. V1 đồng ý mua và hẹn gặp để giao dịch. Khoảng 10h00 ngày 10/9/2024, tại bãi đất trống sát bên nhà anh Đ, V1 kiểm tra rồi mua với số tiền 21.520.000 đồng và chuyển tiền đến số tài khoản 0777462402 (mang tên Nguyễn Thị Mỹ L, thuộc Ngân hàng M) do Q sử dụng. Số tiền có được, Q tiêu xài hết. Sau khi mua số vàng trên của Q, V1 sử dụng máy nung vàng để nung chảy số vàng trên thành 01 khối. Ngày 16/9/2024, tại tiệm V2 (địa chỉ: Số C đường H, P. V, Q. T, TP .; do ông Nguyễn Văn T4, SN: 1957, làm chủ), V1 bán số vàng trên với giá 22.300.000 đồng cho bà Lê Thị T2 (SN: 1965, là vợ ông T4). Sau đó bà T2 đã sử dụng số vàng trên trộn lẫn với vàng của bà T2 để nung và chế tác thành những sản phẩm, do đó không thể xác định được tài sản nào chứa lượng vàng mà Q đã chiếm đoạt để tiến hành thu giữ.

Vào ngày 07/10/2024, anh Nguyễn Phan Đình Đ phát hiện bị mất trộm tài sản và ngày 14/10/2024, anh Đ trình báo vụ việc với Cơ quan Công an phường H. Quá trình điều tra,

xác minh Cơ quan Công an xác định đối tượng nghi vấn thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp số tài sản trên là Nguyễn Văn Anh Q. Đến ngày 15/10/2024, Q đến Công an phường H để đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

* Vật chứng thu giữ: Không.

* Kết luận định giá tài sản: Số 79/KL-HĐĐGTS ngày 28/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận L, kết luận:

- 01 (Một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng hàm lượng vàng 22K cân nặng 2 chỉ là: 16.198.000 đồng.

- 01 (Một) lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng hàm lượng vàng 18K cân nặng 2,3 chỉ là: 13.231.900 đồng.

- 01 (Một) nhẫn vàng đeo tay bằng kim loại màu vàng hàm lượng vàng 14K cân nặng 1,9 chỉ, trị giá: 8.968.000 đồng.

- 01 (Một) nhẫn đeo tay kim loại màu vàng hàm lượng vàng 14K cân nặng 0,71 chỉ là: 3.351.200 đồng.

Tổng giá trị thiệt hại của các tài sản nêu trên là 41.749.100 đồng. (BL: 09)

Tuy nhiên, quá trình điều tra, bị hại Nguyễn Phan Đình Đ thay đổi lời khai và có cung cấp các giấy tờ mua bán vàng, xác nhận số trang sức vàng đã bị chiếm đoạt cụ thể: 01 (Một) dây chuyền vàng đốt (dây hỏa tiễn), tuổi vàng 6,1 tuổi, trọng lượng vàng 1,6 chỉ; 01 (Một) vòng tay vàng lắc vàng 6,1 tuổi, khối lượng vàng 2,3 chỉ; 01 (Một) nhẫn vàng 14k, khối lượng vàng 1,9 chỉ; 01 (Một) nhẫn vàng 14k, khối lượng vàng 0,731 chỉ.

* Kết luận định giá tài sản: Số 04/KL-HĐĐGTS ngày 20/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận L, kết luận:

- 01 (Một) dây chuyền vàng có tuổi vàng 6,1, cân nặng 1,6 chỉ, trị giá: 7.680.000 đồng.

- 01 (Một) lắc đeo tay bằng vàng có tuổi vàng 6,1, cân nặng 2,3 chỉ, trị giá: 11.040.000 đồng.

- 01 (Một) nhẫn vàng có tuổi vàng 5,83, cân nặng 1,9 chỉ, trị giá: 8.650.000 đồng.

- 01 (Một) nhẫn vàng có tuổi vàng 5,83, cân nặng 0,731 chỉ, trị giá: 3.330.000 đồng;
Tổng giá trị các tài sản trên là 30.700.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 36/CT-VKS ngày 11 tháng 03 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Anh Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như bản cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự và Điều

124, 119 khoản 2 Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên năm 2024 đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thanh T5 mức án từ 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tù. Thời gian thử thách là 24 đến 36 tháng.

*** Về dân sự:** Gia đình của bị cáo Nguyễn Văn Anh Q đã bồi thường cho người bị hại số tiền 30.700.000 đồng. Ngoài ra, bị hại không có yêu cầu gì thêm.

- Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo thấy hành vi của mình sai trái ăn năn hối cải, nông nổi nhất thời, xin lỗi người bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để có cơ hội cải tạo thành con người tốt, về với gia đình.

Người bào chữa cho bị cáo Q: đều thống nhất về tội danh, điểm, khoản, điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố đối với bị cáo, thống nhất cùng quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Tuy nhiên, Luật sư bào chữa đề nghị xem xét quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, khi phạm tội bị cáo chưa đủ tuổi thành niên nên khả năng nhận thức pháp luật còn rất hạn chế và chưa gây hậu quả gì nghiêm trọng và đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo, để đảm bảo lợi ích tốt nhất, nhằm giáo dục các bị cáo sửa chữa sai lầm, giúp đỡ các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Người đại diện hợp pháp của các bị cáo, đại diện ủy quyền cũng xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn Anh Q đã khai nhận: Vào ngày 10/9/2024, tại nhà số K đường T, P. H, Q. L, TP., Nguyễn Văn Anh Q đã lén lút trộm cắp tài sản thuộc sở hữu của anh Nguyễn Phan Đình Đ, gồm: 01 (Một) dây chuyền vàng có tuổi vàng 6,1, cân nặng 1,6 chỉ; 01 (Một) lắc đeo tay bằng vàng có tuổi vàng 6,1, cân nặng 2,3 chỉ; 01 (Một) nhẫn vàng có tuổi vàng 5,83, cân nặng 1,9 chỉ; 01 (Một) nhẫn vàng có tuổi vàng 5,83, cân nặng 0,731 chỉ. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 30.700.000 đồng.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập được. Hội đồng

xét xử kết luận: Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, tp Đà Nẵng truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo Q phát hiện phòng vợ chồng anh Đ không khóa cửa và không có người nên Q nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, bị cáo đã có hành vi lén lút lấy 01 ví cầm tay bên trong có 01 dây chuyền vàng, 01 vòng tay vàng, 02 nhẫn vàng bỏ vào túi quần sau đó mang đi bán để có tiền tiêu xài cho cá nhân.

Mặc dù giữa ban ngày và ngay trong nhà của anh Đ1 mà không hề sợ bị phát hiện, hành vi của bị cáo đã thể hiện sự liều lĩnh, là nguy hiểm, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thể hiện ý thức coi thường pháp luật; Vì vậy cần xử lý nghiêm để bị cáo có thời gian cải tạo, trở thành con người có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã ra đầu thú với hành vi nói trên, phạm tội gây thiệt hại không lớn, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại, người bị hại không có yêu cầu gì về phần dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và và Điều 119 khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định trên: Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự; có đầy đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy chưa cần thiết cách ly bị cáo ra ngoài xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo theo Điều 65 Bộ luật hình sự để giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội, giao bị cáo về chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại : Vợ chồng anh Đ đã nhận lại số tiền khắc phục hậu quả và không có yêu cầu gì thêm về dân sự, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Không .

[7] Đối với những vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Đăng V1 và Lê Thị T2: Anh V1 mua số vàng của Q nhưng không biết số vàng do Q bán là tài sản do trộm cắp mà có. Bà Thu mua tài sản của V1 nhưng không biết nguồn gốc khối vàng trên là tài sản do trộm cắp mà có. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an quận L không đề cập xử lý là có cơ sở.

Đối với Nguyễn Thị Mỹ L (SN: 2005; trú tại: Tổ D, P. N, Q. S, TP .) là chủ tài khoản số 0777462402 (thuộc Ngân hàng M) do Q sử dụng: Nguyễn Thị Mỹ L là người yêu của Q. Vào đầu năm 2024, do Q chưa có tài khoản ngân hàng nên L cho Q mượn số tài khoản trên để sử dụng. Đến tháng 11/2024, Q trả lại tài khoản ngân hàng cho L. Do đó, L không biết về việc Q sử dụng số tài khoản ngân hàng trên để phạm tội. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an quận L không đề cập xử lý truy cứu trách nhiệm hình sự là có cơ sở. Tuy nhiên, đây là hành vi “*mượn, cho mượn tài khoản thanh toán với số lượng từ 01 tài khoản thanh toán đến dưới 10 tài khoản thanh toán mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự*” được quy định tại điểm c Khoản 15 Điều 1 Nghị định 143/2021/NĐ-CP sửa đổi điểm a Khoản 5 Điều 26 Nghị định 88/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng. Cơ quan CSĐT Công an quận L lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính và chuyển hồ sơ vi phạm đến Chủ tịch UBND quận L ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo đúng thẩm quyền.

[8]. Ý kiến người bào chữa cho bị cáo Q đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo, HĐXX xét thấy phù hợp cần được chấp nhận.

[9]. Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn Anh Q** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b,i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự và Điều 124, 119 khoản 2 Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên năm 2024.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn Anh Q** 12 (Mười hai) tháng tù treo. thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm **21/4/2025**.

Tuyên giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự 2019.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Tiếp tục quy trữ 02 đĩa CD tại hồ sơ vụ án.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Nguyễn Văn Anh Q** phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, Đại diện hợp pháp và Luật sư có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- Cơ quan CSĐT - CATP Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã Ký

Nguyễn Đức Hoàng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Hoàng

